

CSD *Center for the Study of Democracy*

University of California, Irvine

**Công Chúng Việt Nam
trong Giai Đoạn Chuyển Tiếp**
Điều Tra Giá Trị Thế Giới: Việt Nam 2001

Russell J. Dalton
&
Ông Thụy Như Ngọc



Center for the Study of Democracy
3151 Social Science Plaza
University of California, Irvine
Irvine, CA 92697-5100
USA

Tóm Tắt Nội Dung

Trong tương quan so sánh với các cuộc Điều tra về Giá trị Thế giới (ĐTGTTG) năm 2000-2001, bản tường trình này mô tả những phát hiện sơ khởi từ cuộc ĐTGTTG được tổ chức tại Việt Nam vào năm 2001. ĐTGTTG là một cuộc điều tra quốc tế về sự thay đổi về văn hoá xã hội và chính trị, được thực hiện qua những cuộc thăm dò ý kiến công chúng mang tính đại diện quốc gia thuộc hơn 65 xã hội tại 6 châu lục, với gần 80% dân số thế giới.

Lần đầu tiên, nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã tham gia mạng lưới ĐTGTTG. Viện Nghiên Cứu Con Người ở Hà Nội đã thực hiện cuộc điều tra tại Việt Nam dưới sự hướng dẫn của giáo sư Phạm Minh Hạc. Trung Tâm Nghiên Cứu Dân Chủ thuộc Đại Học California tại Irvine đã hỗ trợ cho cuộc nghiên cứu này.

Về hạnh phúc:

- Hầu hết người Việt (91%) vui lòng hoặc rất vui lòng với hoàn cảnh hiện tại của họ; khoảng 2/3 tự cho là đã hài lòng với cuộc sống nói chung.
- Những số liệu thống kê về vấn đề này đã đặt Việt Nam đứng hàng đầu hầu hết các nước đang phát triển và ngang hàng với các quốc gia như Trung Quốc, Mễ Tây Cơ, Chí Lợi, và Tây Ban Nha.
- Hầu hết tự đánh giá là đã hài lòng với tình hình tài chánh của họ.

Về quan hệ xã hội:

- Gia đình là cấu trúc xã hội quan trọng nhất trong xã hội Việt Nam. Gia đình cũng là trung tâm của đời sống xã hội: đa số người Việt liên lạc với cha mẹ và thân bằng quyến thuộc mỗi tuần.
- Việc làm cũng là trọng điểm trong đời sống xã hội. Một phần ba số người được hỏi đã cho rằng họ tiếp xúc hàng tuần với đồng nghiệp, và với hơn một nửa cho rằng công ăn việc làm là quan trọng trong đời sống.
- Nhiều người là thành viên của nhiều nhóm và hiệp hội, nhưng thực ra chỉ một số ít tham gia thật sự vào các nhóm xã hội, câu lạc bộ, nhóm tôn giáo, và các hiệp hội khác.
- Hầu hết người Việt đều nghi ngờ những người xung quanh mình; 59% cho rằng nên cẩn thận khi tiếp xúc với người khác. Tuy nhiên, mức độ tin cậy về xã hội này vẫn còn cao hơn so với các nước cùng mức độ phát triển kinh tế với Việt Nam.

Về giá trị gia đình:

- Đa số người Việt (99%) nghĩ rằng cha mẹ phải được kính trọng bất kể phẩm chất hay sai lầm của họ. Có 97% cũng cho rằng “một trong những mục đích chính của cuộc đời tôi là làm cho cha mẹ hạnh diện”.
- Hầu hết tin rằng cần chú trọng vào đời sống gia đình hơn (88%).

- Hầu như mọi người (91%) đều bác bỏ quan niệm cho rằng hôn nhân là một định chế lỗi thời. Hầu hết (97%) đồng ý rằng cả vợ và chồng nên đóng góp chung vào thu nhập gia đình.
- Quan niệm về vai trò truyền thống của người phụ nữ vẫn còn mạnh mẽ. Đa số cho rằng phụ nữ cần có con (86%), và công việc nhà cũng thỏa nguyện như việc làm có lương (86%). Một số đồng (56%) cũng nghĩ rằng đàn ông thích hợp với chính trị hơn.

Về đạo đức và tôn giáo:

- Công chúng có tinh thần tôn trọng luật lệ mạnh mẽ: chỉ vài cá nhân có thể biện hộ cho những hành động như man khai các quyền lợi xã hội, trốn mua vé tàu xe, gian lận thuế, hoặc nhận hối lộ.
- Công chúng cũng giữ những quan niệm bảo thủ về đồng tính và mãi dâm.
- Việt Nam phần nào là một xã hội thế tục. Gần phân nửa (46%) nói họ không thuộc bất cứ tôn giáo nào và chỉ một phần nhỏ (10%) cho rằng tôn giáo đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của họ.
- Hầu hết người Việt không nghĩ rằng chức sắc tôn giáo có thể cung cấp những hỗ trợ về mặt luân lý thích hợp cho nhu cầu xã hội. Họ cũng không tin vào thiên đàng, hỏa ngục, Thượng đế, cuộc sống sau cái chết, linh hồn, hoặc những khái niệm tôn giáo Tây phương khác.

Về kinh tế:

- Phản ánh những cải cách kinh tế trong thập niên vừa qua, đa số thích kinh doanh tư hữu hoá (81%) hơn là quốc hữu hóa (19%).
- Mặc dù nền kinh tế thị trường không được hoạt động đúng với chức năng của nó, những câu hỏi trong cuộc điều tra cho thấy sự cạnh tranh thị trường được số đông ủng hộ.
- Tinh thần lao động được coi trọng ở Việt Nam. Nhiều người nói rằng công việc là một phần quan trọng trong đời sống của họ, và họ ít quan tâm tới việc tìm thời gian rảnh rỗi.

Về chính trị:

- Nhiều công dân quan tâm đến chính trị và thảo luận về chính trị, xem chính trị quan trọng trong đời sống của họ. Ít người tham gia các cuộc phản đối chính trị, tuy nhiên, nhiều người có thể sẽ ký các kiến nghị, tham dự biểu tình, tham gia đình công hoặc các cuộc tẩy chay. Nhiều người trả lời cuộc nghiên cứu thuộc Đảng Cộng Sản hoặc các nhóm chính trị (29%).
- Công chúng thể hiện một tinh thần quốc gia mãnh liệt. Hầu hết tự hào là người Việt (98%), và sẵn sàng chiến đấu cho đất nước nếu có chiến tranh.

- Sự tin tưởng vào các cơ chế chính trị và xã hội rất phổ biến, với hơn 90% bày tỏ sự tin tưởng vào chính phủ, quốc hội và quân đội.
- Hình ảnh của chính phủ đang được cải thiện. Mười năm trước đây dân chúng đã đánh giá cao về chính phủ, và nay còn cao hơn nữa cho chính phủ đương quyền.
- Tuy vậy, vẫn có những bằng chứng cho thấy sự ủng hộ việc thay đổi xã hội: 54% muốn có những cải cách xã hội ở mức độ mạnh mẽ hơn, 30% muốn có một cuộc cải cách tiệm tiến hơn, và chỉ có 16% cho rằng xã hội nên được bảo vệ chống lại việc thay đổi.
- Hầu hết (97%) hài lòng với quyết định của chính phủ về việc thêm khái niệm dân chủ vào khẩu hiệu phát triển quốc gia: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, *dân chủ*, văn minh”.
- Dân chủ được xem là tích cực. Đa số người Việt (72%) nghĩ rằng mặc dầu dân chủ có thể có những vấn đề nhưng nó vẫn còn tốt hơn bất kỳ thể chế chính phủ nào khác. Một số lớn cũng *phủ nhận* ý kiến cho rằng hệ thống kinh tế sẽ vận hành tồi tệ trong một chế độ dân chủ, dân chủ là thiếu dứt khoát và có quá nhiều tranh cãi vô giá trị, và dân chủ là không tốt để duy trì trật tự.

Công Chúng Việt Nam trong Giai Đoạn Chuyển Tiếp

Điều Tra Giá Trị Thế Giới: Việt Nam 2001

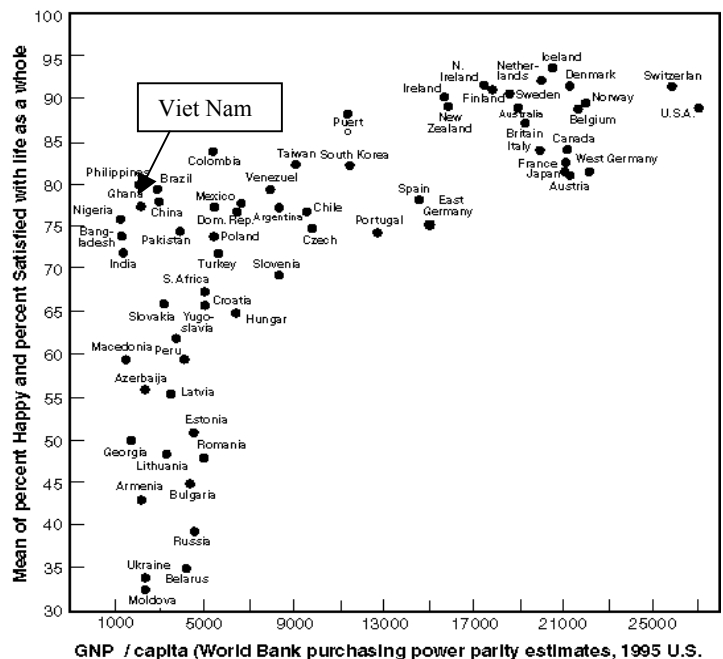
Trong một thế hệ qua, Việt Nam đã trải qua những thay đổi sâu sắc về xã hội, kinh tế, và chính trị. Hai miền Bắc và Nam Việt Nam trở thành Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào năm 1975, và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã liên tục độc quyền cai trị. Nền kinh tế đã được tái cấu trúc và hoạch định theo hướng tập trung. Tuy nhiên, vào năm 1986 Đại Hội Đảng Toàn Quốc lần thứ Sáu đã đưa ra những cải cách kinh tế gọi là “đổi mới”. Những cải cách này cho phép thả nổi giá cả, kết hợp những lĩnh vực tư nhân vào kinh doanh, bãi bỏ hợp tác ruộng đất, mở rộng tự do ngoại thương và đầu tư. Về mặt xã hội, nhân dân Việt Nam có được cuộc sống tốt hơn, mặc dù những cải cách chính trị tương quan vẫn chưa được phát triển.

Là một bộ phận của cuộc nghiên cứu quốc tế về những giá trị xã hội và chính trị của con người, Trung Tâm Nghiên Cứu Dân Chủ tại Đại Học California Irvine, đã hỗ trợ cho việc khởi đầu cho một trong những cuộc điều tra khoa học thăm dò ý kiến quần chúng mang tính cách đại diện tại Việt Nam. Đây là một nghiên cứu đặc biệt quan trọng vì người ta biết rất ít về thái độ của người Việt trong những vấn đề xã hội và chính trị một cách khoa học. Cuộc ĐTGTTG năm 2001 thăm dò về sự hài lòng về chất lượng cuộc sống, quan hệ xã hội và gia đình, mức độ quan tâm và sự tham gia trong lãnh vực chính trị, những giá trị kinh tế, và niềm tin vào hệ thống chính trị. Những kết quả từ cuộc điều tra này cung cấp cho chúng ta cái nhìn sơ khởi về những suy nghĩ của người Việt hiện nay về xã hội, hệ thống kinh tế, và quốc gia của họ.

Những cảm nhận về sự thỏa mãn với cuộc sống

ĐTGTTG hỏi những người trả lời phỏng vấn về cảm nhận thỏa mãn của họ với cuộc sống. Đa số người Việt (63%) cho rằng họ thỏa mãn với cuộc sống hiện tại-- và 92% cảm thấy hạnh phúc hoặc rất hạnh phúc. Những cảm tính chung này phản ánh những yếu tố pha trộn trong đời sống: gia đình, việc làm, quan hệ xã hội, và những yếu tố khác. Đồng thời sự thỏa mãn về cuộc sống thường gắn liền với sự phát triển kinh tế của một quốc gia, như ở biểu đồ số 1 bên phải. Nếu chúng ta so sánh Việt Nam với những quốc gia khác ở khoảng cùng mức độ phát triển kinh tế từ cuộc ĐTGTTG năm 1995-98, thì sẽ thấy mức độ thỏa mãn với cuộc sống của người Việt Nam cao hơn so với hầu hết dân

Biểu đồ 1: Hạnh phúc & sự thỏa mãn so với Tổng sản lượng quốc gia bình quân đầu người



chúng các nước Đông Âu và ngang với dân chúng các nước như Trung Quốc, Mỹ Tây Cơ, Chí Lợi, và Tây Ban Nha.

Quan hệ Xã hội

Cuộc điều tra hỏi nhiều câu hỏi khác nhau để tìm hiểu về những mối quan hệ giữa những cá nhân. Người dân quan hệ với ai, và liệu họ có tin cậy những người bạn láng giềng? Quan hệ xã hội đặt trọng tâm vào gia đình, như chúng ta đã dự đoán (biểu đồ số 2). Có 59% trả lời rằng họ bỏ nhiều thì giờ với gia đình và thân bằng quyến thuộc hàng tuần, so với 32% dành cho bạn đồng nghiệp, hoặc 17% với bạn bè ngoài xã hội. Những mối liên hệ xã hội qua cơ quan đoàn thể, như qua các câu lạc bộ, hiệp hội hay nhóm tôn giáo, thì ít hơn rất nhiều.

Vì Việt Nam cố gắng khuyến khích sự tham gia sinh hoạt xã hội chính thức, nhiều người cho biết họ là thành viên của nhiều nhóm xã hội khác nhau, từ những nhóm phúc lợi, cho đến tổ chức cộng đồng, hoặc câu lạc bộ thể thao.

Tuy nhiên việc tham gia thật sự vào những hoạt động ở những nhóm đó vẫn còn khá hạn chế, bình quân chỉ khoảng 10% tổng số các thành viên.

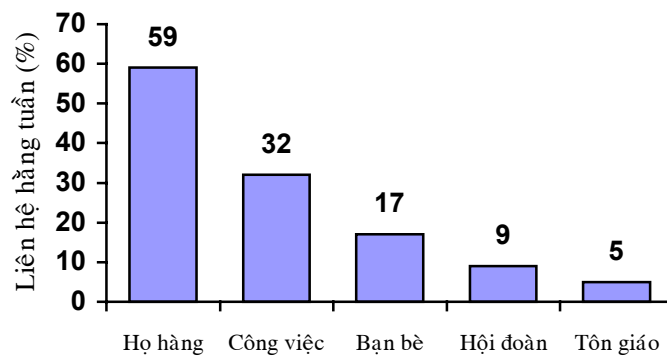
Có lẽ do sự thiếu liên kết trong xã hội này, người Việt phần nào nghi ngờ những người xung quanh mình. Chỉ có 41% nghĩ rằng mọi người có thể tin tưởng được, trong khi có đến 59% cho rằng cần phải cẩn thận khi tiếp xúc với những người khác. Sự tin tưởng này có xu hướng cao hơn trong số những người có trình độ học vấn cao hơn, tầng lớp lao động, và dân cư miền Bắc. Dù vậy, sự tin tưởng vào xã hội của người Việt trên toàn quốc vẫn cao hơn so với các nước có cùng mức độ phát triển kinh tế như Việt Nam.

Giá trị Gia đình

Trong xã hội Việt Nam, cũng như trong nhiều xã hội Khổng giáo khác, gia đình là hạt nhân của đời sống xã hội. Đại đa số người Việt cho rằng gia đình là một bộ phận rất quan trọng trong cuộc sống.¹ Một câu hỏi điều tra khác cho thấy rằng hầu hết (88%) công nhận là việc chú tâm nhiều hơn vào đời sống gia đình là tốt. Hơn nữa, tuyệt đại đa số (99%) nghĩ rằng cha mẹ đáng được kính trọng bất kể phẩm chất hay sai lầm của họ. Trong một câu hỏi khác, 97% tuyên bố rằng “một trong những mục đích cuộc đời họ là làm cho cha mẹ hãnh diện”.

¹ Ưu thế của gia đình xuất hiện trong một câu hỏi khác về tầm quan trọng của những phần khác nhau trong cuộc sống: gia đình được xếp loại là rất quan trọng bởi 82% người được hỏi Thống kê tương đương ở những quốc gia khác như Trung Quốc (77%), Đài Loan (77%), Hàn Quốc (90%), Nhật Bản (91%), và Hoa Kỳ (95%).

Biểu đồ 2: Bạn dành thời giờ cho những ai?



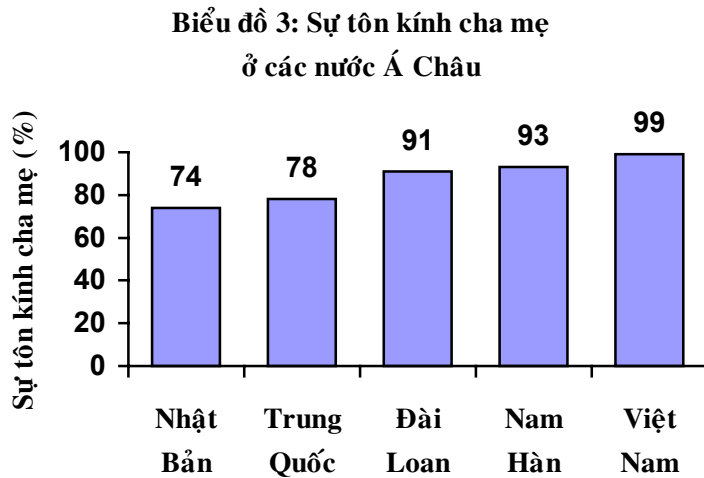
Những giá trị gia đình này được phản ánh qua bài ca dao:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Ngay cả khi so sánh với những quốc gia Đông Á khác trong ĐTGTTG năm 1995-98, Việt

Nam được xếp hạng cao nhất về sự tôn kính gia mẹ (biểu đồ số 3).

Cuộc điều tra của chúng tôi cũng cung cấp những dấu hiệu về sự vững mạnh của gia đình ở Việt Nam. Chẳng hạn, hầu như mọi người (91%) đều bác bỏ quan niệm cho rằng hôn nhân là một cơ chế lỗi thời. Hơn nữa, mọi người gần như nhất trí khi cho rằng cả vợ và chồng đều cần phải đóng góp vào thu nhập gia đình (97%), cao hơn ngay cả đến các quốc gia Á châu khác (biểu đồ số 4). Quan điểm này có thể một phần phản ánh nhu cầu kinh tế đã

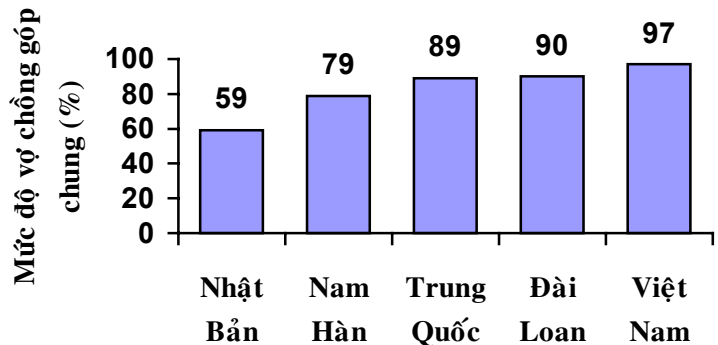


thúc đẩy cả vợ chồng tham gia lực lượng lao động.

Vai trò của người phụ nữ cũng là một yếu tố khác trong đời sống gia đình ở xã hội Việt Nam. Nhiều câu hỏi biểu thị một quan niệm được duy trì rằng người phụ nữ cần tuân theo một vai trò truyền thống. Đa số tuyên bố rằng người phụ nữ cần có con để hoàn thiện chức năng của mình (86%), và việc làm một người nội trợ cũng cho người phụ nữ cảm giác hoàn thành nhiệm vụ như khi đi làm (86%). Hầu hết đã trả lời rằng đàn ông làm chính trị gia tốt hơn (56%), và một số đồng (48%) tin rằng đàn ông có nhiều quyền để làm việc hơn khi công việc bị khan hiếm. Một bằng chứng đối nghịch lại ý kiến trên là việc chống lại ý kiến cho rằng giáo dục là quan trọng cho con trai hơn con gái.

Việc gắn chặt phụ nữ vào các vai trò truyền thống vốn phổ biến ở các quốc gia Đông Á. Chẳng hạn, quan niệm rằng người vợ làm nội trợ là hoàn thành bổn phận phổ biến ở Trung Quốc (69%), Nam Hàn (89%), Đài Loan (86%), và Nhật Bản (90%). Đồng thời, những quan niệm này kém phổ biến hơn trong những xã hội ảnh hưởng bởi nền dân chủ Tây phương. Và

Biểu đồ 4: Mức độ vợ chồng đóng góp chung ở các nước Á Châu



tại Việt Nam, sự hiện đại hóa xã hội có khuynh hướng làm suy yếu sự ủng hộ vai trò truyền thống của người phụ nữ; cảm tưởng này thấp hơn trong số những người Việt có trình độ học vấn cao hơn, giàu có, và trẻ hơn.

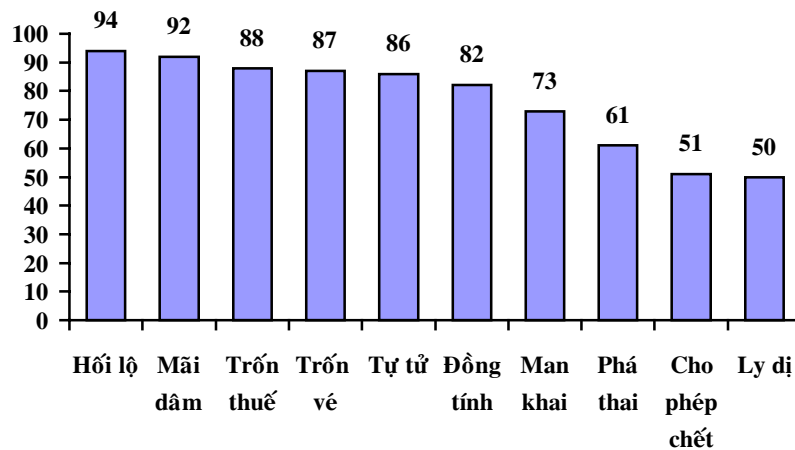
Những Vấn đề Đạo đức và Tôn giáo

Một trong những mối quan tâm của ĐTGTTG là ước định chiều rộng của những luân lý đạo đức khắp hoàn cầu. Giáo dục về đạo đức xuyên suốt văn chương, văn hóa dân gian, và triết lý Việt Nam—và những truyền thống Khổng giáo củng cố sự hữu trách xã hội và đời sống theo lối cổ điển.

Sức mạnh của niềm tin vào đạo đức được đo bằng câu hỏi liệu “Có những chỉ dẫn hoàn toàn rõ ràng về điều gì thiện và điều gì ác. Những chỉ dẫn này luôn luôn có thể áp dụng với mọi người trong bất kỳ hoàn cảnh nào”. Niềm tin vào sự tuyệt đối của luân lý đặc biệt cao giữa những người Việt (58%), cao hơn Trung Quốc (41%), Đài Loan (28%), Nhật Bản (17%), hay Hoa Kỳ (49%). Những quan điểm này thường gặp hơn ở những người lớn tuổi, những cư dân vùng nông thôn, và những người có trình độ học vấn thấp hơn.

Những quan niệm nêu trên cho thấy một điều không đáng ngạc nhiên là hầu hết người Việt hoàn toàn không cho là có thể biện hộ cho những hành động bất hợp pháp như: nhận hối lộ, gian lận thuế, trốn mua vé tàu xe, hoặc man khai các quyền lợi xã hội (biểu đồ số 5). Những quan niệm về đạo đức thường thấy ở Việt Nam hơn các nước Á Châu khác trong đợt ĐTGTTG 1995-98 với số phần trăm chênh lệch là 10-15%.

Biểu đồ 5: Những hành vi này không bao giờ biện hộ được



Đồng thời, công chúng cũng giữ những quan niệm bảo thủ về các khái niệm tình dục. Hầu hết mọi người đều cho là hành động mãi dâm không bao giờ biện hộ được (92%) và một số đông cho là đồng tính luyến ái cũng không bao giờ biện hộ được (82%). Quan điểm người Việt trong những vấn đề này khá gần với Trung Quốc trong kết quả ĐTGTTG, trong khi người Nhật, Nam Hàn, và Đài Loan tỏ thái độ khoan dung hơn trong cùng những vấn đề.

Trong các xã hội dân chủ Tây phương, sự tin tưởng vào đạo đức như trên thường gắn liền với các giá trị tôn giáo. Nhưng Việt Nam phần nào là một xã hội thế tục. Gần phân nửa (46%) nói họ không thuộc bất cứ tôn giáo nào và cũng không tham gia vào các buổi lễ tôn giáo. Chỉ một phần nhỏ (10%) cho rằng tôn giáo đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của họ.

Ít người tin vào thiên đàng, hỏa ngục, Thượng đế, cuộc sống sau cái chết, linh hồn, hoặc những khái niệm tôn giáo Tây phương khác.

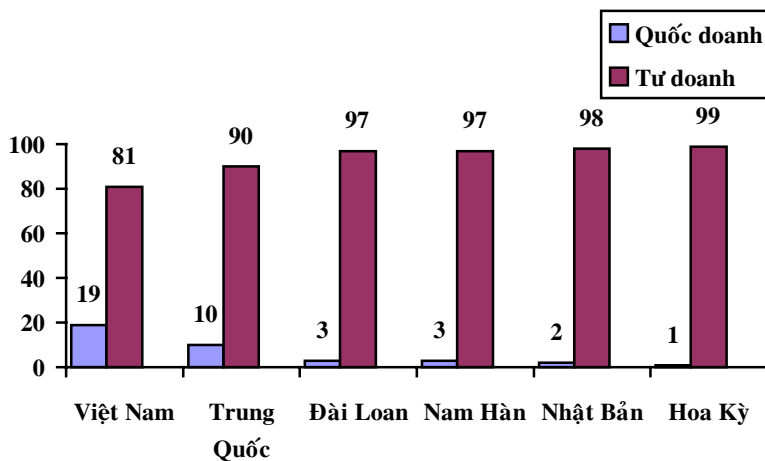
Không những người Việt không sùng tín, họ còn nghi ngờ vai trò tôn giáo có thể đóng góp trong xã hội Việt Nam. Một số đông (82%) không nghĩ rằng chức sắc tôn giáo có thể cung cấp những giải pháp cho các vấn nạn xã hội đang trực diện Việt Nam hiện nay. Tương tự, hai phần ba cho là các nhà lãnh đạo tôn giáo không nên ảnh hưởng các quyết định chính phủ, và sự tin tưởng nơi các tổ chức tôn giáo cũng hạn chế.

Những Giá trị Kinh tế

Từ những năm cuối thập niên 1980, Việt Nam bắt đầu lột bỏ nền kinh tế kế hoạch cũ để chuyển sang nền sản xuất tư hữu hóa và những yếu tố của nền kinh tế thị trường. Thêm vào đó, Việt Nam dần dần mở rộng việc tham gia giao thương quốc tế.

ĐTGTTC cung cấp một cơ hội độc đáo để nghiên cứu thái độ của người Việt về cấu trúc của hệ thống kinh tế và những quan niệm về kinh tế khác. Một trong những câu hỏi cốt lõi trong cuộc điều tra là về sự ủng hộ đối với quốc doanh hay đối với tư doanh. Mặc dù một phần năm công chúng người Việt vẫn còn công nhận quốc doanh,

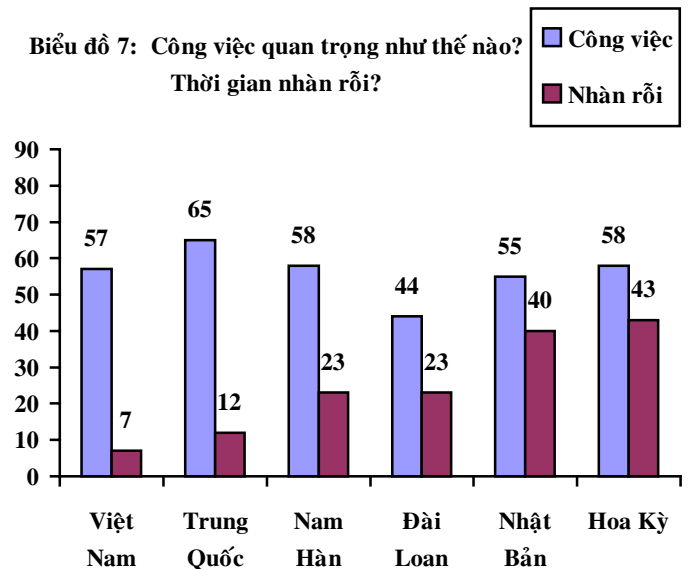
Biểu đồ 6: Tư doanh và quốc doanh



một số đông hiện nay chuộng tư doanh hơn (biểu đồ số 6) — chỉ thấp hơn một ít so với Đài Loan, Nam Hàn, và Nhật Bản.

Nhiều câu hỏi khác của cuộc điều tra cho thấy người Việt đang phát triển những giá trị phù hợp một cách rộng rãi với nền kinh tế theo hướng thị trường. Chẳng hạn, thay vì nhấn mạnh vào thu nhập bình đẳng như điều thường được dự đoán trong hệ thống cộng sản, nhiều người (60%) thiên về sự khác biệt lớn trong mức thu nhập như là một sự khích lệ cho nỗ lực cá nhân. Thay vì đồng ý rằng chính phủ nên cung cấp cho những cá nhân, hầu hết (67%) cho rằng dân chúng nên có nhiều trách nhiệm hơn để tự cung cấp cho chính họ. Và ba phần tư công chúng tin rằng “cạnh

Biểu đồ 7: Công việc quan trọng như thế nào? Thời gian nhàn rỗi?



tranh là tốt. Nó thúc đẩy dân chúng làm việc năng nổ và phát triển sáng kiến mới”. Giới trẻ, những người có học vấn khá hơn, và những người sống ở đô thị ủng hộ kinh tế thị trường mạnh mẽ hơn. Mặc dù nền kinh tế thị trường không được hoạt động đúng với chức năng của nó, những giá trị về sự cạnh tranh thị trường được ủng hộ rộng rãi.²

Sau cùng, tinh thần lao động ở Việt Nam rất cao. Nhiều người nói rằng lao động là một phần quan trọng trong đời sống của họ, điều này cũng phổ biến trong nhiều xã hội khác trên thế giới (biểu đồ số 7). Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là tương quan giữa việc cho rằng sự nhàn rỗi là quan trọng với sự thịnh vượng của đất nước. Trong khi điều này phổ biến hơn trong dân chúng Nhật Bản (40%) và Hoa Kỳ (43%), thì chỉ có một số ít người Việt (7%) phát biểu rằng sự nhàn rỗi là một phần quan trọng trong đời sống của họ.

Những Vấn đề Chính trị

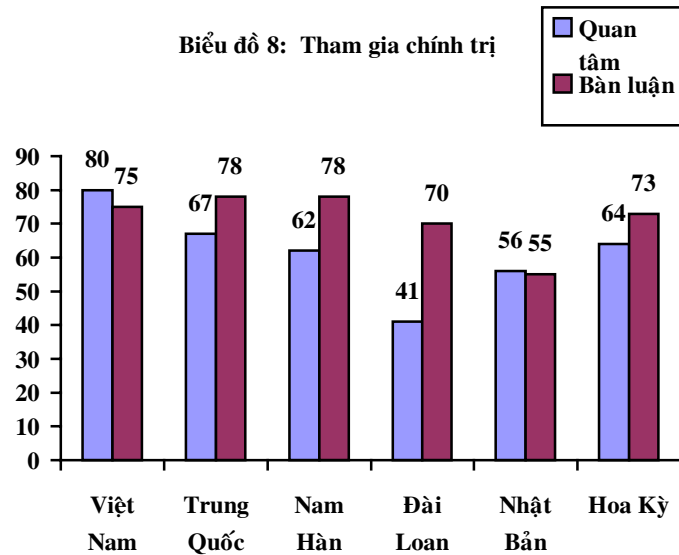
Hầu hết công dân Việt Nam chú ý đến các diễn tiến chính trị. Ba phần tư cho biết họ vẫn thỉnh thoảng thảo luận các vấn đề chính trị, và một số đông hơn đã bày tỏ sự quan tâm về chính trị. Mức độ tham dự này tương đồng hoặc vượt qua hầu hết các nước Đông Á (biểu đồ số 8).³ Một tỉ lệ phần trăm khá cao cũng cho rằng chính trị là một phần quan trọng trong đời sống của họ (39%). Hơn một phần tư cũng là thành viên của một tổ chức chính trị, và một tỉ lệ cao trong số này có tham gia tích cực.

Tuy nhiên, việc tham gia chính trị này không mở rộng đến các hoạt động chính trị bất qui ước vốn phổ biến trong các xã hội dân chủ Tây phương. Chỉ có 4% đã ký một bản kiến nghị, 2% đã tham gia vào một cuộc biểu tình, và một số còn ít hơn nữa đã tham dự một cuộc tẩy chay, đình công, hoặc chiếm giữ dinh thự mặc dầu 52% cho biết họ sẽ sẵn sàng ký vào một bản kiến nghị, và 40% cho rằng họ sẵn lòng tham dự một cuộc biểu tình.

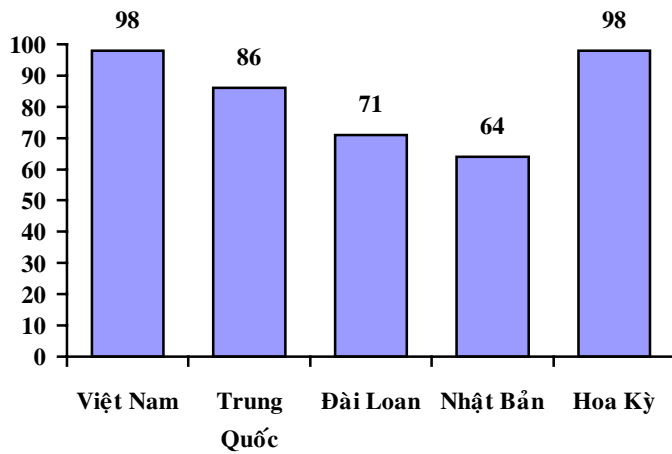
² Chẳng hạn, sự chấp nhận về mức sai biệt trong thu nhập cũng thông dụng ở Nam Hàn (69%), Nhật Bản (53%) và Đài Loan (69%), nhưng thấp hơn ở Trung Quốc (44%).

³ Cuộc điều tra được tiến hành trong tháng 9, và có thể kết quả chịu ảnh hưởng bởi sự tăng cường sự quan tâm về chính trị qua cuộc khủng bố 11/9 ở Hoa Kỳ.

Biểu đồ 8: Tham gia chính trị



Biểu đồ 9: Niềm tự hào dân tộc



Một yếu tố rõ rệt của nền văn hóa chính trị Việt Nam là tinh thần quốc gia cao độ. Chẳng hạn, hầu hết mọi người bày tỏ lòng tự hào dân tộc (biểu đồ số 9). Và dù cho có sự tàn phá của các cuộc chiến tranh ở Việt Nam trong quá khứ, dân chúng đều thống nhất trong việc sẵn lòng để chiến đấu cho quốc gia nếu có một cuộc chiến tranh khác xảy ra.

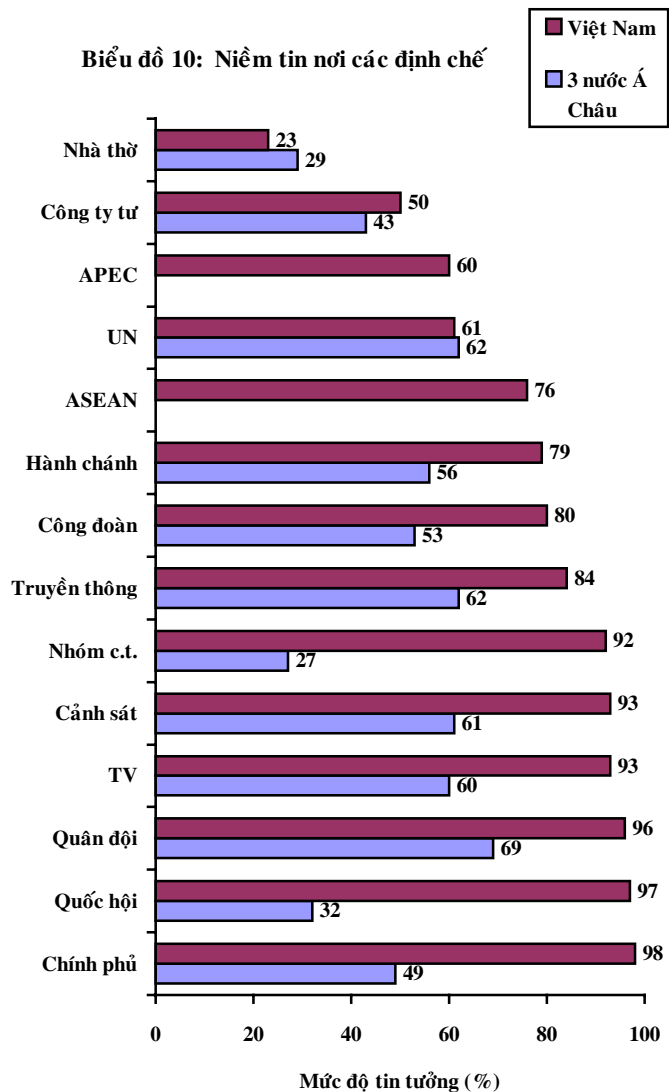
Mức độ về tinh thần quốc gia và ủng hộ đất nước này cao hơn so với hầu hết các nước Đông Á khác, và ở trong số những quốc gia có mức độ cao nhất trong ĐTGTTG. Dân Hoa Kỳ là một trong một số ít các quốc gia có gần giống người Việt Nam về lòng trung thành với tổ quốc.

ĐTGTTG có một bộ câu hỏi tiêu chuẩn đánh giá sự tin tưởng của công chúng về nhiều định chế chính trị và xã hội khác nhau. Người Việt bày tỏ sự tin tưởng một cách ngoại lệ về tất cả các định chế này (biểu đồ số 10). Chẳng hạn, hơn 90% tuyên bố họ tin tưởng vào chính phủ, quốc hội, và các nhóm chính trị (mà đa số liên quan tới tổ chức đảng cộng sản). Thêm vào đó, công chúng cũng biểu lộ mức độ tin tưởng tương tự vào những đại diện công lực — công an và quân đội.

Sự tin tưởng vào các định chế của người Việt cực kỳ cao so với hầu hết các quốc gia trong ĐTGTTG. Biểu đồ số 10 cho thấy mức độ tin tưởng bình quân giữa Nhật Bản, Đại Hàn, và Đài Loan. Người Việt bày tỏ một cách nhất quán về sự tin tưởng vào các định chế này nhiều hơn so với công dân của ba nước nện trên.

Chúng tôi nghi rằng mức độ người Việt biểu hiện sự tin tưởng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Trước hết, những người trả lời có thể không nghĩ rằng việc phát biểu về sự thiếu tin

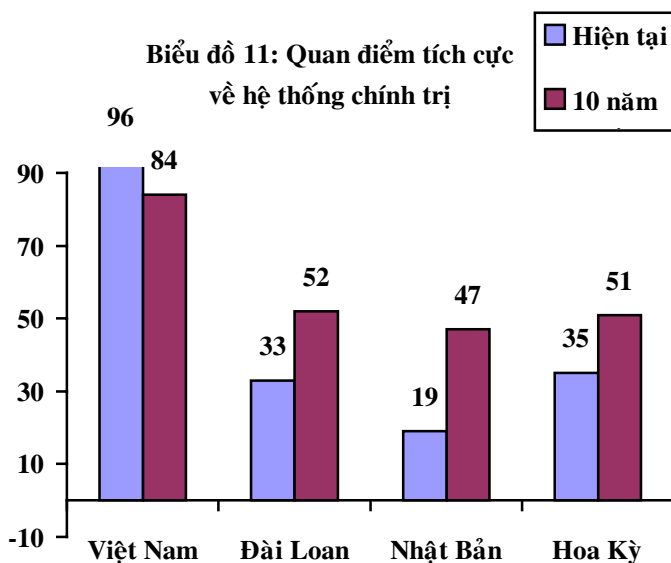
Biểu đồ 10: Niềm tin nơi các định chế



tưởng là câu trả lời được xã hội cho phép - cho dù về bất cứ định chế nào. Chẳng hạn, tại các công ty tư nhân sự tin tưởng của người Việt cũng cao hơn (50%) so với ở ba nước tư bản (43%). Thêm vào đó, ĐTGTTG đã trình bày khuynh hướng của những công dân tại các xã hội phát triển và mở cửa sẵn lòng nghi vấn về các định chế và trung tâm quyền lực.

Những định hướng suy nghĩ của người Việt về các tổ chức quốc tế cũng đáng ghi nhận. Ý kiến về các tổ chức APEC, ASEAN, và Liên Hiệp Quốc thấp hơn một cách đáng kể so với sự tin tưởng vào các định chế chính trị trong nước. Với khuynh hướng biểu lộ sự tin tưởng vào các định chế khác, sự đánh giá thấp về các tổ chức quốc tế chứng tỏ một sự nghi kỵ rộng rãi về những hoạt động của quốc tế trong công chúng Việt. Tương tự như vậy, một loạt câu hỏi đã cho thấy ít người Việt công nhận hoạt động độc lập của Liên Hiệp Quốc về các vấn đề như người tị nạn, bảo vệ môi sinh, giữ gìn hòa bình thế giới, bảo đảm nhân quyền, hoặc hỗ trợ sự phát triển kinh tế.

Phản ánh sự tin tưởng vào các định chế chính trị, hầu hết người Việt ủng hộ rộng rãi hệ thống chính trị hiện nay. Trên thang điểm 10, khi đánh giá về việc điều hành đất nước của hệ thống hiện hành, 96% có quan điểm tích cực về hệ thống này (biểu đồ số 11). Những quan điểm này tích cực hơn so với hình ảnh của chính phủ vào thập niên trước – biểu lộ sự ủng hộ chính trị đang gia tăng, có lẽ là kết quả của những cải cách được áp dụng cũng như những yếu tố trung thành hiển nhiên của nền văn hóa chính trị Việt Nam.



Sự ủng hộ chính phủ của người Việt cũng cao hơn so với các nước Đông Á trong cuộc điều tra của ĐTGTTG năm 1995-98. Và điều đó thường là trường hợp mà các công dân hay có cái nhìn tích cực hơn về các cựu trào so với những người đương quyền – một mô hình trái ngược tìm thấy ở Việt Nam. Đây là một chỉ thị khác cho thấy các quan điểm đang chuyển biến.

Tuy nhiên, khi được hỏi về những cải cách sâu xa hơn, cuộc điều tra lại thu thập được các bằng chứng trái ngược nhau. Có một câu hỏi yêu cầu người trả lời tự đặt mình trên các nấc

thang từ “tiếp tục cải cách” cho đến “không cải cách”. Một số lớn người Việt đã đặt mình vào nấc cuối “không cải cách”. Ngược lại, một câu hỏi khác lại cho thấy sự ủng hộ lớn lao về cải cách xã hội: đa số (54%) tin rằng “cần áp dụng những biện pháp mạnh mẽ hơn về cải cách xã hội”, và 30% cho rằng “xã hội phải được cải thiện dần dần qua những cải cách,” và chỉ có 16% nghĩ rằng “xã hội của chúng ta hiện nay phải can đảm chống lại tất cả những thế lực phá hoại.”

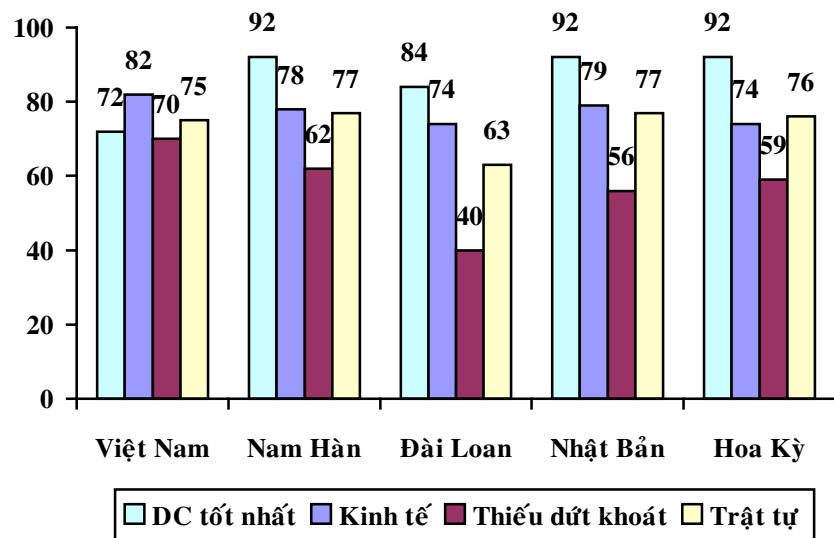
Một trong những vấn đề rõ rệt của việc cải cách chính trị là việc lưu tâm đến sự dân chủ hóa nền chính trị Việt Nam. Chính phủ Việt Nam gần đây đã thêm khái niệm “dân chủ” vào trong khẩu hiệu phát triển quốc gia: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Khoảng hai phần ba cảm thấy “rất hài lòng” với quyết định này, và ít hơn 5% là không bằng lòng. Quả thật hầu hết người Việt ủng hộ khái niệm dân

chủ. Chẳng hạn, 72% đồng ý với câu phát biểu của Churchill rằng “dân chủ có thể còn có những vấn đề nhưng nó còn tốt hơn bất cứ hình thái chính quyền nào khác.” Thái độ này còn thấp hơn so với hầu hết các quốc gia trong ĐTGTTG, nhưng vẫn đại diện cho ba phần tư công chúng Việt Nam. Sự ủng hộ nền dân chủ trong những vấn đề này có khuynh hướng cao hơn ở những người dưới 50 tuổi, dân sống ở miền Nam, và những người quan tâm đến chính trị.

Một số các câu hỏi về những hậu quả tiêu cực có thể có của một nền dân chủ đã cho thấy một dấu hiệu khác của hình ảnh tích cực về dân chủ. Ngay cả khi qui định trong những ngôn từ này, đa số người Việt công nhận khả năng ủng hộ dân chủ và bác bỏ ý kiến cho rằng hệ thống kinh tế sẽ vận hành tồi tệ trong một chế độ dân chủ, dân chủ là thiếu dứt khoát và có quá nhiều tranh cãi vô giá trị, và dân chủ là không tốt để duy trì trật tự (biểu đồ số 12). Thật ra, tinh thần ủng hộ dân chủ trong những vấn đề này tại Việt nam còn cao hơn các giá trị dân chủ của dân chúng ở Nam Hàn, Đài Loan, và Nhật Bản.

Dựa trên những phân tích trước đây về các nước khác trong ĐTGTTG, chúng ta cần phải thận trọng khi giải thích sự ủng hộ dân chủ tại Việt Nam, bởi vì “dân chủ” thường mang ý nghĩa khác nhau đối với những người khác nhau. Mặt khác, nó có thể gắn liền với khẩu hiệu dân chủ mới của chính phủ và sẽ không mang ý nghĩa ủng hộ những cải cách dân chủ toàn diện; trên một bình diện khác, nó có thể mang ý nghĩa ủng hộ những cải cách hệ thống chính trị rộng lớn hơn. Nhưng những tinh thần này có lẽ biểu lộ sự mong mỏi ngoại lệ về lý tưởng dân chủ ngay cả trong một quốc gia chỉ mới áp dụng những cải cách dân chủ vào trong hệ thống chính trị của mình

Biểu đồ 12: Mức ủng hộ dân chủ
(các câu trả lời ủng hộ dân chủ)



Việt Nam là một xã hội và hệ thống chính trị đang trong giai đoạn thay đổi. Bản tường trình về những giá trị chính trị và xã hội này phản ánh cách công chúng đóng góp vào những thay đổi trong hệ thống chính trị và kinh tế, và những ảnh hưởng công chúng chịu bởi những

khuynh hướng trong quá khứ. Quả thật, sự tham gia của Việt Nam trong ĐTGTTG là một dấu hiệu của những thay đổi này. Qua những phân tích sâu xa hơn về các số liệu, chúng tôi kỳ vọng sẽ hiểu biết hơn về những yếu tố tạo nên các quan điểm này, và những định hướng của công chúng cho tương lai của Việt Nam.

Những phân tích và ý kiến trong bản báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của các tác giả bản báo cáo và không phải là quan điểm của những điều tra viên và các viện nghiên cứu đã tham gia vào cuộc điều tra thống kê này. **Russell Dalton** là Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Dân Chủ thuộc Đại học California tại Irvine và Giáo sư ngành Chính trị học. **Ông Thụy Như Ngọc** là nghiên cứu sinh của Trung tâm và đang theo học chương trình Tiến sĩ ngành Chính trị học.

Phương Pháp

Cuộc điều tra được tiến hành trong tháng Chín-Mười năm 2001 sử dụng mẫu xác suất tiết diện đa giai đoạn với cách chọn lựa tới mỗi nhà một cách ngẫu nhiên trong giai đoạn cuối cùng. Đề án và công việc thực địa được tiến hành bởi Viện Nghiên Cứu Con Người tại Hà Nội dưới sự hướng dẫn của giáo sư tiến sĩ Phạm Minh Hạc.

Mẫu điều tra bao gồm 1.000 bản trả lời phân bố tỉ lệ tương ứng với 8 vùng thống kê của Việt Nam. Những người được điều tra đã được chọn lựa làm đại diện cho dân số trưởng thành của Việt Nam. So sánh với các chỉ số thống kê, cuộc điều tra phản ánh gần như toàn bộ dân số dựa trên nhiều chỉ số dân cư tiêu chuẩn:

	<u>Điều Tra (%)</u>	<u>Thống Kê (%)</u>
Châu thổ Sông Hồng	19.9	19.4
Đông Bắc	14.4	14.2
Tây Bắc	2.9	2.9
Bắc Trung Phần	8.1	13.1
Duyên Hải Trung Phần	13.2	8.6
Trung Nguyên	6.5	4.0
Đông Nam Phần	12.8	16.6
Châu thổ Sông Cửu Long	22.2	21.2
Nam	49.1	48.4
Nữ	50.9	51.6
18-19 tuổi	5.2	6.5
20-29 -	17.5	29.1
30-39 -	23.2	25.4
40-49 -	23.9	16.7
50 tuổi trở lên	30.2	22.3
Không học vấn	4.2	9.8
Cấp một	32.0	50.3
Cấp hai	33.7	26.7
Cấp ba	23.2	10.4
Đại học	6.9	2.7

Sai số mẫu xác suất của cuộc nghiên cứu này vào khoảng 3 đến 4 phần trăm. Nghĩa là tỉ lệ phần trăm quốc gia trong bản báo cáo này (95% vào lúc thực hiện) là trong khoảng $\pm 4\%$ của tỉ lệ dân số thật sự. Thêm vào đó, cần hiểu rằng đây là lần ứng dụng đầu tiên về mẫu xác suất quốc gia để điều tra về thái độ chính trị tại Việt Nam. Dân chúng Việt Nam cũng không quen thuộc với phương pháp điều tra, và một số người được hỏi có lẽ đã cảm thấy ngại ngại trong việc phát biểu trọn vẹn ý kiến của họ. Do vậy, có thể có vài sai số phi mẫu hóa đã

xuất hiện trong những số liệu này, mặc dù Viện Nghiên Cứu Con Người đã bày tỏ quyết tâm chăm sóc đặc biệt để theo đúng các qui trình khoa học.

Những thông tin thêm về cuộc điều tra tại Việt Nam, bản câu hỏi tiếng Anh và tiếng Việt, thiết kế mẫu điều tra, và những thông tin về đề án ĐTGTTG được đăng tại trang nhà của chúng tôi: www.democ.uci.edu/democ/archive/vietnam.htm

11/09/01